

Số 141 /TB-ĐHHD

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO

Điểm trúng tuyển, thời gian xác nhận và nhập học đối với thí sinh ĐKXT vào đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2021 Trường ĐH Hồng Đức (đợt 2)

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-BGDĐT ngày 25/8/2021 của Bộ GD&ĐT về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2021;

Thực hiện Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên năm 2021 theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ cho Trường ĐH Hồng Đức; và kết quả họp HĐTS ngày 15/9/2021, Trường Đại học Hồng Đức thông báo mức điểm trúng tuyển, thời gian xác nhận và nhập học đối với thí sinh ĐKXT vào các ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2021, như sau:

1) Mức điểm trúng tuyển

TT	Mã ngành	Ngành	Điểm trúng tuyển				
			Sử dụng kết quả thi THPT (thang điểm 30)			Sử dụng kết quả học THPT (Học bạ THPT)	
			Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Điểm của các tổ hợp	Ghi chú
1	7140209CLC	ĐH Sư phạm Toán học CLC	Ko xét	Ko xét	27,20	Ko xét	
2	7140211CLC	ĐH Sư phạm Vật lý CLC	Ko xét	Ko xét	25,50	Ko xét	
3	7140217CLC	ĐH Sư phạm Ngữ văn CLC	Ko xét	Ko xét	30,50	Ko xét	
4	7140218CLC	ĐH Sư phạm Lịch sử CLC	Ko xét	Ko xét	29,75	Ko xét	
5	7140209	ĐH Sư phạm Toán học	Ko xét	Ko xét	24,60	Ko xét	
6	7140211	ĐH Sư phạm Vật lý	18,0	18,5	19,25	24,0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm TB xét TN THPT từ 8.0 trở lên.
7	7140212	ĐH Sư phạm Hóa học	18,0	18,5	22,50	24,0	
8	7140213	ĐH Sư phạm Sinh học	18,0	18,5	19,00	24,0	
9	7140217	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Ko xét	Ko xét	27,75	Ko xét	
10	7140218	ĐH Sư phạm Lịch sử	Ko xét	Ko xét	28,50	Ko xét	
11	7140219	ĐH Sư phạm Địa lý	18,0	18,5	26,25	24,0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm TB xét TN THPT từ 8.0 trở lên.
12	7140231	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	18,0	18,5	24,75	24,0	

TT	Mã ngành	Ngành	Điểm trúng tuyển				
			Sử dụng kết quả thi THPT (thang điểm 30)			Sử dụng kết quả học THPT (Học bạ THPT)	
			Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Điểm của các tổ hợp	Ghi chú
13	7140202	ĐH Giáo dục Tiểu học	Ko xét	Ko xét	25,25	Ko xét	
14	7140201	ĐH Giáo dục Mầm non	Ko xét	Ko xét	22,00	Ko xét	
15	7140206	ĐH Giáo dục Thể chất	12,0	12,33	18,00	13,0 10,0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm TB xét TN THPT từ 6.5 trở lên. Đối với các thí sinh dự tuyển là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0).
17	7340301	ĐH Kế toán	14,0	15,0	15,0	16,5	
18	7340101	ĐH Quản trị kinh doanh	14,0	15,0	15,0	16,5	
19	7340201	ĐH Tài chính-Ngân hàng	14,0	15,0	15,0	16,5	
20	7340302	ĐH Kiểm toán	14,0	15,0	15,0	16,5	
21	7380101	ĐH Luật	14,0	15,0	15,0	16,5	
22	7580201	ĐH Kỹ thuật xây dựng	14,0	15,0	15,0	16,5	
23	7520201	ĐH Kỹ thuật điện	14,0	15,0	15,0	16,5	
24	7480201	ĐH Công nghệ thông tin	14,0	15,0	15,0	16,5	
25	7620109	ĐH Nông học	14,0	15,0	15,0	16,5	
26	7620201	ĐH Lâm học	14,0	15,0	15,0	16,5	
27	7620105	ĐH Chăn nuôi	14,0	15,0	15,0	16,5	
28	7850103	ĐH Quản lý đất đai	14,0	15,0	15,0	16,5	
29	7220201	ĐH Ngôn ngữ Anh	14,0	15,0	15,0	16,5	
30	7850101	ĐH QLTN và Môi trường	14,0	15,0	15,0	16,5	
31	7310630	ĐH Việt Nam học	14,0	15,0	15,0	16,5	
32	7810101	ĐH Du lịch	14,0	15,0	15,0	16,5	
33	7310101	ĐH Kinh tế	14,0	15,0	15,0	16,5	
34	7310401	ĐH Tâm lý học	14,0	15,0	15,0	16,5	
35	51140201	CD Giáo dục Mầm non	Ko xét	Ko xét	17,00	Ko xét	

Ghi chú:

(1) **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:** Thí sinh trúng tuyển được thực hiện các chế độ theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của chính phủ về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

(2) **Điểm trúng tuyển đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT** là tổng điểm 3 môn thi ở tất cả các tổ hợp (không nhân hệ số, không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống) và áp dụng cho thí sinh là học sinh phổ thông thuộc khu vực 3;

Mức chênh lệch giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (không phải hai lần điểm) đối với thang điểm 10.

Đối với ngành đào tạo giáo viên chất lượng cao yêu cầu tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2021 đạt từ 24,0 trở lên ở tất cả các tổ hợp (không có môn nào dưới 5,0 điểm) và môn chủ chốt của ngành đào tạo đạt từ 8,0 điểm trở lên (môn Toán đối với SP Toán, môn Vật lý đối với SP Vật lý, môn Ngữ văn đối với SP Ngữ văn và môn Lịch sử đối với SP Lịch sử); Có học lực đạt loại Khá và hạnh kiểm đạt loại Tốt ở cả 3 năm học THPT.

Tổ hợp xét tuyển các ngành có môn thi năng khiếu phải đảm bảo điểm năng thi năng khiếu đạt từ 5,0 trở lên và:

+ Năm 2019: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 \geq ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12,0 điểm; CĐ: 10,67 điểm);

+ Năm 2020: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 \geq ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12,33 điểm; CĐ: 11,00 điểm);

+ Năm 2021: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 \geq ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12,67; CĐ: 11,33. Riêng đối với GDTC: 12,00).

(3) **Mức điểm trúng tuyển đối với thí sinh xét tuyển bằng phương thức sử dụng kết quả học tập THPT:** là tổng điểm trung bình của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển ở 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12) không tính điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng.

Các ngành có tổ hợp môn năng khiếu, mức điểm nhận ĐKXT là tổng điểm trung bình của 2 môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm thi năng khiếu đạt từ 5,0 trở lên.

(4) **Ưu tiên trong xét tuyển:** Trong trường hợp có 2 hoặc nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau (Điểm xét tuyển là tổng điểm bao gồm cả điểm ưu tiên ĐT và KV), thứ tự ưu tiên:

Ưu tiên 1: Thí sinh có tổng điểm 3 môn thi (Trừ 2 ngành GDMN và GDTC là tổng điểm 2 môn thi văn hóa) không bao gồm điểm KV, ĐT (nếu có) cao hơn;

Ưu tiên 2: Thí sinh có điểm môn thi tương ứng với ngành ĐKXT cao hơn, cụ thể: Toán (SP Toán); Lý (SP Lý); Hóa (SP Hóa); Sinh (SP Sinh); Ngữ văn (SP Ngữ văn); Địa (SP Địa); Lịch sử (SP Lịch sử); Tiếng Anh (SP Tiếng Anh); các ngành còn lại, môn Ngữ văn (đối với các tổ hợp có môn Ngữ văn hoặc có cả Ngữ văn và Toán), môn Toán (đối với các tổ hợp khác).

2) Thời gian xác nhận nhập học

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển xác nhận nhập học từ ngày 16/9 đến trước 17h00 ngày 26/9/2021 bằng việc nộp trực tiếp bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi TN THPT năm 2021 hoặc chuyển phát qua bưu điện về Phòng Quản lý đào tạo - Trường ĐH Hồng Đức, số 565 Quang Trung 3, P. Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, điện thoại: 02373.910.619; 0912.483.189; 0949.102.698; 0918.068.689; 0913.483.123;

3) Thời gian, địa điểm và hồ sơ nhập học

- Nhập học từ ngày 17/9/2021 đến hết ngày 02/10/2021 tại Hội trường lớn, Trường Đại học Hồng Đức.

- Hồ sơ và kinh phí gồm:

- (1) Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi (đối với TS TN năm 2021);
- (2) Bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp (đối với TS TN năm 2021)/hoặc bằng TN;
- (3) Bản chính học bạ THPT;
- (4) Sơ yếu lý lịch sinh viên (theo mẫu kèm theo)
- (5) Các loại giấy tờ khác và kinh phí theo Giấy báo nhập học

Chi tiết xem tại địa chỉ website: tuyensinh.hdu.edu.vn hoặc www.hdu.edu.vn

Lưu ý: Thí sinh đang thuộc diện cách ly theo quy định có thể xác nhận và nhập học bằng việc gửi hồ sơ qua đường bưu điện (báo phát) về Phòng QLĐT-Trường ĐH Hồng Đức, số 565 Quang Trung 3, P. Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, điện thoại: 02373.910.619./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để bc);
- Lưu: VT, QLĐT, HĐT.S.



Hoàng Văn Thi